

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
TP. HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **53** /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02/11/2021

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Kim Cúc**

Các Hội thẩm nhân dân : **1. Bà Đào M Chi**

2. Bà Trần Thị M

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị M Ngọc**

- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai

Đại diện VKSND quận Hoàng Mai - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 255/2021/HSST ngày 02/4/2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 27/9/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 87 ngày 15/10/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 91 ngày 26/10/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Thị M S(tên thường gọi: Tạ M G)-

sinh năm 1983(có mặt)

HKTT: B9 khu tập thể T59A P, phường H, quận H, Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Số 22 ngõ 276 tổ 11 Đ, phường Đ, quận H, Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn M P- sinh năm 1975(vắng mặt)

- HKTT: B9 khu tập thể T59A P, phường H, quận H, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tạ Thị M S trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn M P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/3/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Đây là lần kết hôn đầu tiên của chị. Sau khi kết hôn hai anh chị sống tại B9 khu tập thể T59A P, phường H, quận H, Hà Nội.

Quá trình chung sống, phát sinh rất nhiều mâu thuẫn. Chị cho rằng trong suốt 17 năm chị lấy chồng, chị không có hạnh phúc, không nhận được sự tôn trọng từ chồng và gia đình nhà chồng. Mọi người coi chị là người giúp việc, sinh con để duy trì nòi giống. Chị luôn bị coi thường vì trong gia đình không phải là người đi làm kiếm tiền. Chị không nhận được sự quan tâm từ chồng, hai vợ chồng đã ly thân 02 năm nay mặc dù vẫn ở chung một nhà. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: chị S xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn M H, sinh ngày 07/12/2004 và cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 04/3/2011. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M vì cháu còn nhỏ tuổi, cần sự chăm sóc từ mẹ hơn, chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị kinh doanh tự do, bán hàng online, mức thu nhập bình quân của chị khoảng 10 đến 15 triệu đồng/ tháng.

Về tài sản chung, nhà ở chung : Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Chị cam kết không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

• **Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn M P**

trình bày: Anh xác nhận quá trình kết hôn, thời gian chung sống như chị S trình bày. Anh cho rằng, vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nếu có thì cũng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất, bản thân anh là lao động chính, chăm sóc vợ con đầy đủ. Mâu thuẫn cũng đã được gia đình hai bên hòa giải và đã thống nhất tạm thời cho cháu M H thi vào đại học và cháu Nhật M được trực tiếp dưới sự dìu dắt của cả bố và mẹ. Anh cho rằng chị S có chứng bệnh trầm cảm nên tính khí thất thường, anh không muốn ảnh hưởng đến con cái nên không đồng ý ly hôn với chị S.

Về con chung: anh P xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn M H, sinh ngày 07/12/2004 và cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 04/3/2011. Nếu phải ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nhà ở chung : anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: anh P cam kết không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: nguyên đơn là chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh P vì chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, tiếp tục chung sống với chỉ làm tinh thần chị bị tổn thương nhiều hơn, chị mong muốn Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P để chị được sống một cuộc sống như bao người khác, được tôn trọng, được đi làm kiếm tiền và tiêu tiền do mình làm ra mà không bị khinh rẻ. Chị xác nhận hai vợ chồng đã lâu không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không nói chuyện trao đổi với nhau về mọi vấn đề. Gia đình hai bên đều đã biết sự việc, có hòa giải nhưng chị không đồng ý. Hiện nay, chị đã dọn ra ngoài thuê nhà ở riêng. Về con chung, chị vẫn có nguyện vọng được nuôi cháu M do cháu còn nhỏ cần có mẹ chăm sóc, chị không đề nghị anh P phải cấp dưỡng nuôi con. Chị đồng ý giao cháu H cho anh P chăm sóc theo đúng nguyện vọng của con là muốn ở với bố. Về tài sản chung và nhà ở chung: chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung: chị cam kết không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Nguyễn M P đã được Tòa án tổng đạt quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: chị S và anh P phát sinh mâu thuẫn đã lâu, vợ chồng ly thân 02 năm mặc dù vẫn sống chung một nhà, anh P không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra giải pháp nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S, cho chị S được ly hôn với anh P; Về con chung: giao cháu Nguyễn M H cho anh Nguyễn M P trực tiếp chăm sóc, giao cháu Nguyễn Nhật M cho chị Tạ Thị M S trực tiếp chăm sóc. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của hai anh chị cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung và nhà ở chung: không đề nghị giải quyết nên không xem xét, về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: chị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng và việc xét xử vắng mặt bị đơn: Việc chị Tạ Thị M S xin ly hôn với anh Nguyễn M P, anh P đang trú tại địa chỉ: B9 khu tập thể T59A Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

Anh Nguyễn M P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị M S và anh Nguyễn M P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/3/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của chị S và anh P và qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, thấy rằng: quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không tin tưởng nhau, không có sự tôn trọng lẫn nhau, không làm tròn nghĩa vụ và trách nhiệm vợ chồng. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh P chỉ lên tham gia hòa giải một lần tại Tòa, các lần khác anh P đều vắng mặt không có lý do. Anh P không muốn ly hôn nhưng cũng không có bất kỳ giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thời gian Tòa án cho hai vợ chồng tự hòa giải rất nhiều theo nguyện vọng của anh P nhưng anh, chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Anh P trình bày chị S có dấu hiệu trầm cảm nhưng không đưa ra bằng chứng gì nên Tòa án không thể xem xét. Tại phiên tòa hôm nay, chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh P. Do vậy, căn cứ vào điều 56 luật hôn nhân gia đình thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh P với chị S đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S, cho chị S được ly hôn anh P.

[3] Về con chung: Chị S và anh P cùng xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn M H, sinh ngày 07/12/2004 và cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 04/3/2011. Khi ly hôn, chị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Giao cháu H cho anh P trực tiếp chăm sóc theo đúng nguyện vọng của con. Hiện chị làm kinh doanh tự do, bán hàng online, mức thu nhập bình quân của chị khoảng 10 đến 15 triệu đồng/ tháng. Các tài liệu chứng cứ chị đã nộp cho Tòa án.

Anh P có nguyện vọng được cả hai con. Anh cũng không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy: qua ý kiến của cháu H, có nguyện vọng của được ở với bố, do vậy mặc dù anh P chỉ nộp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cùng các bản phô tô biến động sổ dư được in từ máy điện thoại của anh P nhưng cũng chứng tỏ anh P có đủ điều kiện nuôi con nên Tòa án vẫn xem xét giao cháu Nguyễn M H cho anh P trực tiếp chăm sóc để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo quyền được làm cha của anh P và để anh P cùng phải có trách nhiệm gách vác việc nuôi con chung với chị S.

Xét yêu cầu của chị S muốn được nuôi cháu Nguyễn Nhật M: chị S làm kinh doanh tự do, bán hàng online, mức thu nhập bình quân theo chị khai vào khoảng 10 đến 15 triệu đồng/ tháng. Chị S đã nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để chứng M thu nhập cũng như chỗ ở của mình. Mặt khác, cháu M còn nhỏ vẫn cần có sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ nên giao cháu M cho mẹ trực tiếp chăm sóc là phù hợp và cũng đúng với nguyện vọng của cháu. Tạm hoãn việc cấp dưỡng của anh P và chị S cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh chị tự thỏa thuận, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về khoản nợ chung: chị S và anh P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 51,56 và điều 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ vào điều 28,35, 39, 147, 227,228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự
Căn cứ vào điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Tạ Thị M S được ly hôn với anh Nguyễn M P.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn M H, sinh ngày 07/12/2004 cho

anh Nguyễn M P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

3. Giao cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 04/3/2011 cho chị Tạ Thị M S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh, chị cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: anh, chị tự thảo thuận, không đề nghị giải quyết nên không xét.

5. Về án phí: Chị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị S đã nộp tại biên lai số AA/2020/0049021 ngày 02/4/2021 của chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Chị S đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Tạ Thị M S có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn M P vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
- Ủy ban nhân dân xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội
(Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2004
Quyển số 01/2004 ngày 19/3/2004);
- Các đương sự
- Lưu HS+ VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Cúc

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Bình M có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Kiều Thị Lan Hương vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn ngày kể từ ngày niêm yết bản án theo luật định./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**